

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 200/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 9-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Chiến
2. Ông Nguyễn Hoài Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 209/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Nguyễn Huyền T, sinh năm 2000. CCCD số 056300010360. Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tô Ngọc R, sinh năm 1995. CCCD số: 095095010064. Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau. Hiện đang chấp hành án tại Đội 27, phân trại số E, Trại giam T, xã T, tỉnh Lâm Đồng (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Nguyễn Huyền T trình bày: Chị T với anh R xây dựng hôn nhân năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, **huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **38/2018, ngày 04/6/2018**. Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh R thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh R không lo làm ăn, tệ nạn xã hội, chơi ma túy, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh R không thay đổi. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh R. Vào năm 2024, anh R1 Tòa án Quận H, TP

Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 6 tháng tù về tội giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi. Hiện đang chấp hành án tại Đội 27, phân trại số E, Trại giam T3, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Về con chung: Chị T và anh R chung sống với nhau có một người con chung là cháu: Tô Ngọc T1, sinh ngày 24/10/2017, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Ngọc T1 cho đến khi trưởng thành, và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh R không có tài sản chung và không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Tô Ngọc R trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2026 tại phân trại K5, Trại giam T3 như sau: Anh R thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh R đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T; đồng ý giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dạy do anh R đang chấp hành án hình sự nên không tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T1. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh R. Về con chung: Cần tiếp tục giao cháu Tô Ngọc T2, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2017 cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Anh R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 18 tháng 3 năm 2026, chị Phan Nguyễn Huyền T nộp đơn khởi kiện qua đường bưu điện cho Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Tô Ngọc R, cư trú ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị T và anh R có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh R theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, **huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **38/2018, ngày 04/6/2018**, nên hôn nhân giữa chị T và anh R là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị T xác định trong thời gian chung sống, chị T và anh R có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân mâu thuẫn do anh R không lo làm ăn, tệ

nạn xã hội, chơi ma túy, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh R không thay đổi. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh R.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị T và anh R không còn hạnh phúc, bởi chị T xác định không còn tình cảm với anh R, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn sống chung với nhau. Phía bị đơn anh R đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh R là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh R.

[4]. Về con chung: Chị T và anh R sống với nhau có 01 người con chung cháu Tô Ngọc T1, sinh ngày 24/10/2017, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Ngọc T1 cho đến khi trưởng thành, phía anh R cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Điều này phù hợp với nguyện vọng cháu T1 được sống với chị T. Anh R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh R xác định quá trình chung sống, chị T và anh R không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị T và anh R mỗi người phải chịu 150.000 đồng, chị T tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh R nên số tiền án phí chị T phải nộp là 300.000 đồng; chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003605 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành dân sự khu vực 7- Cà Mau được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phan Nguyễn Huyền T và anh Tô Ngọc R.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Ngọc T1, sinh ngày 24/10/2017 cho chị Phan Nguyễn Huyền T tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu T1 đang sống chung với chị T. Anh R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Phan Nguyễn Huyền T không yêu cầu anh Tô Ngọc R cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh R xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Phan Nguyễn Huyền T và anh Tô Ngọc R mỗi người phải chịu 50.000 đồng, chị T tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh R nên số tiền án phí chị T phải nộp là 300.000 đồng; chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003605 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành dân sự khu vực 7- Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi